

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM: THÀNH TỰ VÀ THÁCH THỨC

BÙI CHÍ BỬU *

Hơn 20 năm đổi mới, thành tựu rõ rệt nhất của nông nghiệp Việt Nam là tạo ra và duy trì một quá trình sản xuất tăng trưởng với tốc độ nhanh, ổn định trong một thời gian dài. Tuy nhiên, hiện nay, áp lực dân số tăng mỗi năm 1 triệu người, diện tích đất trồng lúa hàng năm giảm từ 40 đến 50 nghìn héc-ta, cộng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu làm nước biển sẽ dâng cao ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, đang đặt nông nghiệp nước ta trước những thách thức mới, nếu không sớm giải quyết tốt, đồng bộ những bất cập trong nông nghiệp.

1 - Bước chuyển của nông nghiệp Việt Nam

Trong thời kỳ đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã đạt những thành tựu nổi bật, duy trì tốc độ tăng trưởng đều và ổn định, thể hiện được lợi thế so sánh của Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nông nghiệp đã thực sự trở thành chỗ dựa nền tảng cho công nghiệp và dịch vụ, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm ổn định xã hội ở nước ta.

Trong giai đoạn từ năm 1986 đến 2003, năng suất các loại nông sản đã có mức tăng đáng kể. Cụ thể là: năng suất lúa tăng từ 2,81 tấn/ha lên 5,20 tấn/ha (gấp 1,85 lần); ngô từ 1,42 tấn/ha tăng lên 3,97 tấn/ha (gấp 2,79 lần); sắn từ 9,16 tấn/ha tăng lên 14,53 tấn/ha

(gấp 1,8 lần), lạc từ 0,94 tấn/ha tăng đến 1,74 tấn/ha (gấp 2,2 lần). Đặc biệt, có một số cây trồng cho năng suất bình quân tăng trên 2 lần trong thời gian gần 20 năm như hồ tiêu, cao su, cà phê, bông. Riêng năng suất cây điều tăng hơn 2 lần trong vòng 4 năm (2001 - 2004). So với năm 1986, năng suất nông sản năm 2008 đã tăng gấp nhiều lần. Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu, hạt điều thứ nhất thế giới, xuất khẩu gạo, cà phê đứng thứ nhì thế giới; chiếm lĩnh và khẳng định vị trí trên thị trường thế giới về thanh long, hạt điều; có thứ hạng cao trong xuất khẩu cá ba sa, cá tra, tôm, cao su, chè.

* GS, TS, Viện trưởng, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam

Không chỉ tăng về sản lượng, chất lượng các mặt hàng nông sản cũng đang được nâng lên. Nhiều năm qua, chúng ta đã tạo ra được bộ giống cây trồng phong phú, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của sản xuất ở các vùng sinh thái, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao tính cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước. Nhiều giống cây trồng được bắt đầu nghiên cứu một cách hệ thống, tính xã hội hóa của ngành giống cây trồng được phát huy tốt. Chính những nông dân sản xuất giỏi đã tham gia tích cực để có được bộ địa chỉ sưu tập cây đầu dòng, cùng với cán bộ khoa học tâm huyết đã tạo ra những giống cây ghép có chất lượng không thua kém các nước trong khu vực như: nhãn Hưng Yên, Sơn La, Yên Bái với các dòng PH-M99-1-1, PH-M99-2-1, HC4, nhãn xoàng com vàng VT20NXC.V; xoài cát Hòa Lộc CT1, C6; xoài cát Chu CD2; sầu riêng Chín Hóa S1BL, sầu riêng Ri 6 S2VL; bưởi Năm Roi BN25; măng cụt BDMC2, BTMC3, BTMC4, BTMC6. Riêng cây điều, nhờ giống mới cải tiến (31% diện tích), năng suất bình quân cả nước tăng từ 0,3 tấn hạt/ha lên 1,1 tấn hạt/ha. Hạt giống ngô lai đã tự lực được 60% từ giống ngô lai trong nước là sự cố gắng rất lớn của ngành. Chúng ta đã xuất khẩu được hạt giống ngô lai.

Đối với gạo - một trong những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực, với phương châm “muốn đẩy mạnh xuất khẩu gạo trước hết phải có giống tốt”, trong những năm gần đây, công nghệ hạt giống được quan tâm nghiên cứu và đã có nhiều tiến bộ. Sản lượng và chất lượng gạo của Việt Nam, vì thế, đã có những bước cải tiến đáng kể. Mặc dù diện tích gieo trồng lúa trong những năm gần đây mỗi năm một giảm (trung bình mỗi năm giảm khoảng 40 ngàn - 50 ngàn ha) do chuyển đổi

cơ cấu trong nông nghiệp và đất nông nghiệp được thu hồi để làm đường, làm nhà... phục vụ công nghiệp, nhưng sản lượng lúa của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng đều qua từng năm, mỗi năm sản lượng lúa tăng trung bình 600 ngàn - 700 ngàn tấn. Việc nghiên cứu tạo nhiều giống lúa lai ngắn ngày, phù hợp với điều kiện đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã mang lại năng suất, chất lượng cao. Chiến lược thành công nhất của ĐBSCL trong 20 năm qua là tạo được giống lúa cực sớm nên đã “bội thu” nhờ diện tích lúa vụ hè - thu tăng lên 1,4 triệu - 1,5 triệu ha và năng suất tăng từ 2 tấn lên 10 tấn. Nông nghiệp ĐBSCL đã đóng góp 50% sản lượng cho an ninh lương thực quốc gia và chiếm tới 80% sản lượng gạo phục vụ xuất khẩu.

Tiêu chí chất lượng gạo cũng ngày càng được chú trọng. Đây là một thành công trong xuất khẩu gạo của năm 2007. Trước đây, mỗi tấn gạo xuất khẩu cùng cấp hạng của Việt Nam thấp hơn Thái Lan 20 USD - 40 USD, làm thiệt cho chúng ta khoảng 80 triệu USD, nhưng nay, nhờ áp dụng tiến bộ khoa học vào chọn tạo giống, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long đã tạo ra được những giống lúa chất lượng cao, giảm sự chênh lệch này xuống còn 2 USD - 5 USD, thậm chí có thời điểm bằng 0. Điều này thể hiện những bước tiến vượt bậc trong công nghệ hạt giống.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong công nghệ giống cây trồng, việc ứng dụng khoa học - công nghệ, thực hiện tốt công tác thủy lợi làm tiền đề để các giống lúa thích nghi phát triển, tạo ra đột phá thật sự to lớn về sản lượng lúa ở những vùng mục tiêu cũng là những yếu tố quan trọng dẫn đến những kết quả khả quan trong phát triển nông nghiệp ở nước ta.

2 - Những thách thức đối với nông nghiệp nước ta

Trước hết, nhận thức về vai trò của nông nghiệp chưa tương xứng với sự đóng góp quan trọng của lĩnh vực này đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Đường như công nghiệp và dịch vụ chưa coi thị trường nông thôn nói chung, và ĐBSCL nói riêng là địa bàn ưu tiên phục vụ, chưa trở thành “đầu máy kéo” nông nghiệp đi lên như quy luật chung của một nền kinh tế phát triển lành mạnh, dẫn đến khoảng cách kinh tế giữa nông thôn và thành thị ngày một giãn ra.

Thứ hai, diện tích lúa canh tác mỗi năm mỗi giảm, trong khi năng suất lao động nông nghiệp rất thấp, cơ cấu kinh tế nông thôn ít thay đổi. Nông nghiệp chiếm 68% tỷ trọng kinh tế nông thôn, đóng góp 79% cơ cấu kinh tế hộ nông dân, trong đó trồng trọt chiếm 50%. Quá trình chuyển lao động ra khỏi nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng diễn ra rất chậm. Mức đầu tư cho nông nghiệp hằng năm đạt chưa tới 10% ngân sách nhà nước.

Thứ ba, các ngành dịch vụ phục vụ nông nghiệp chưa phát triển, tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch còn cao. Nông nghiệp thiếu máy móc thiết bị, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y... Dịch vụ hỗ trợ như tín dụng, vận tải, kho bãi, viễn thông tăng trưởng chậm, giao thông nông thôn chỉ được phân bổ 5% kinh phí. Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp chỉ đáp ứng nhu cầu 25% thị trường trong nước. Công nghệ sau thu hoạch chưa phát triển, tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch của lúa từ 12% đến 14%, rau quả: 30% là rất lớn⁽¹⁾. Sản xuất phân đạm trong nước chỉ đáp ứng 30% - 40% nhu cầu, còn lại phải nhập khẩu. Trong năm 1998 - 2003, tỷ trọng

của ngành dịch vụ tài chính tín dụng hầu như không thay đổi, các hoạt động phục vụ thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp như vận tải, kho bãi, viễn thông... tăng trưởng chậm 2% về tỷ trọng và 6% về tốc độ⁽²⁾.

Thứ tư, tính tự phát trong sản xuất nông nghiệp của người nông dân còn lớn, trong khi sự định hướng, hỗ trợ, tư vấn rõ ràng của Nhà nước, chính quyền địa phương thiếu. Đó thật sự là những mối lo ngại khi để “người nông dân tư duy trên mảnh đất của mình”. Thói quen “phường hội”, nặng về lợi trước mắt dẫn đến chỗ người dân phá lúa chuyển sang làm thủy sản tràn lan, khiến tương lai ruộng lúa bấp bênh hơn bao giờ hết. Hiện nay, số nông dân đạt trình độ sản xuất giỏi ở nước ta chỉ chiếm khoảng 10%, trung bình 20%, còn lại là yếu kém. Điều đáng ngại nhất là nguồn lao động nông nghiệp qua đào tạo chỉ chiếm 24%, ở khu vực nông thôn - nơi trực tiếp sản xuất lại chỉ có 13%.

Thứ năm, việc đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ chưa tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp phát triển nông nghiệp. Theo kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế (IFPRI), trong giai đoạn 1985 - 1990 tác động của khoa học - công nghệ đóng góp 63% mức tăng sản lượng lúa Việt Nam, giai đoạn 1991-1995 phần đóng góp này còn 29,2%, và đến năm 2000 là 22,8%. Phân tích hàm sản xuất với các yếu tố có liên quan cho thấy, trong giai đoạn 1985 - 1989, yếu tố công nghệ đóng góp đến 55,5% phần tăng sản lượng nông nghiệp; giai đoạn 1990 - 1999, tuy có rất nhiều chính sách cởi mở

(1) Nguồn: Viện Nghiên cứu Chính sách lương thực quốc tế (IFPRI)

(2) Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

nhưng công nghệ chỉ đóng góp thêm 5,4% vào phần tăng sản lượng nông nghiệp. Mức đầu tư vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp chỉ ở mức khiêm tốn từ 5% đến 6%/năm, đạt khoảng 5% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, 1,5% tổng sản phẩm quốc nội trong giai đoạn 1992 - 2002. Trong khi đó, tại các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, mức đầu tư vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp là 16%, các nước khác ở Đông - Nam Á khoảng 8% - 9%⁽³⁾.

Thứ sáu, sự hạn chế trong nghiên cứu giống cây trồng dẫn đến khả năng cạnh tranh về phẩm chất nông sản của một số giống cây trồng còn kém; công nghệ hạt giống chưa tiếp cận đầy đủ với trình độ cao của thế giới; một vài loài cây trồng chưa được chủ động lai tạo giống trong nước, phải nhập hạt giống rất tốn kém (thí dụ cà chua, cải bắp). Một số chương trình lai tạo giống thiếu các bước nghiên cứu cơ bản, thiếu định hướng và chưa tiếp cận với trình độ của thế giới.

Đối với gạo xuất khẩu, vấn đề tối quan trọng là chất lượng phải đáp ứng nhu cầu "2 trong 1" - vừa "cao sản" lại vừa "đặc sản", làm sao cho cây lúa ĐBSCL "hội nhập" mà vẫn giữ "bản sắc" riêng, "cao sản" nhưng vẫn phải giữ chất "đặc sản", ra thế giới song vẫn còn "hương đồng, gió nội" của Việt Nam.

Với cây ăn quả, theo tổng hợp chung, trồng cây ăn quả sẽ mang lại hiệu quả gấp 2 đến 6 lần so với trồng lúa. Những nhà vườn biết áp dụng tiến bộ kỹ thuật có thể đạt doanh thu cao hơn, thậm chí gấp 10 lần so với trồng lúa. Tuy nhiên, trồng cây ăn quả cần nhiều kỹ năng trong thâm canh. Hiện nay, cây ăn quả đã bắt đầu tiếp cận với nội dung xây dựng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) ở quy mô VietGAP và GlobalGAP như xoài cát Hòa Lộc, bưởi da xanh, bưởi Năm Roi, vú sữa Lò

Rèn, thanh long Bình Thuận. Do kinh tế hợp tác chưa phát triển khiến các nông hộ nhỏ bé không nắm bắt được thông tin thị trường, khả năng cạnh tranh yếu, tiếp cận thị trường khoa học - công nghệ thấp, chịu nhiều thua thiệt trong kinh tế thị trường (hiện cả nước có khoảng 8.000 hợp tác xã nông nghiệp). Thực tế, những nhà vườn nhờ áp dụng kỹ thuật đã tạo ra quả trái mùa mang lại hiệu quả vườn rất cao, những cây trồng mới như mít cao sản, mận Thái do số lượng vườn ít, giống mới, người trồng không nhiều, cung thấp hơn cầu càng làm cho nhà vườn đạt lợi nhuận cao.

Thứ bảy, đời sống của người nông dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nghèo. Dù chúng ta đã đạt được nhiều thành quả về xuất khẩu lúa gạo, nhưng nông dân trồng lúa vẫn là những người nghèo cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Mặc dù sản lượng lương thực mỗi năm lại tăng hơn một triệu tấn, nhưng thu nhập của người trồng lúa thì vẫn chưa được cải thiện bao nhiêu. Năm 2005, mức tiêu dùng của người phi nông nghiệp so với của nông dân cách nhau 2,6 lần.

Thứ tám, công tác bảo vệ thực vật và thú y, công tác khuyến nông, đặc biệt đối với khuyến nông cơ sở chưa được đầu tư đúng mức. Trung bình một cán bộ khuyến nông Việt Nam phải phụ trách khoảng 3.650 nông hộ, trong khi đó, ở Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, tỷ lệ này là 1/500 hoặc 1/700 chi phí khuyến nông cho một nông hộ ở nước ta chỉ vào khoảng 8.500 đồng, còn ở Thái Lan: từ 40 USD đến 60 USD⁽⁴⁾.

Tình trạng sử dụng hóa chất tràn lan hiện nay cũng rất đáng báo động, là nguy cơ dẫn

(3) Nguồn: Tổng Cục Thống kê, 2004

(4) Nguồn: Trung tâm Khuyến nông quốc gia

đến đất bị thoái hóa, bạc màu. Trong khi đó, các công ty tư nhân của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực chế phẩm sinh học lại rất yếu, nhiều sản phẩm nhập từ nước ngoài đã quá thời hạn sử dụng hoặc đã bị cấm sử dụng trên thế giới.

Nhiều loại dịch bệnh như dịch rầy nâu, đạo ôn trên lúa, bệnh lở mồm long móng, heo tai xanh, cúm gia cầm đang đặt nông nghiệp Việt Nam trước những thách thức vô cùng to lớn. Theo khuyến cáo của các chuyên gia nông nghiệp, nếu 10% diện tích vụ sản xuất chính bị nhiễm bệnh thì Việt Nam sẽ phải ngưng xuất khẩu gạo để bảo đảm an ninh lương thực và nếu tỷ lệ đó vượt quá 30% thì chúng ta sẽ phải nhập khẩu gạo.

Thứ chín, khan hiếm nước tưới phục vụ cho nông nghiệp. Sự thay đổi khí quyển với hiệu ứng nhà kính, nhiệt độ địa cầu ấm dần lên làm băng tan ở hai cực sẽ tạo ngập lụt ở các vùng đất thấp (như đồng bằng sông Cửu Long). Lũ lụt và xâm nhập mặn sẽ trở thành vấn đề lớn trong nhiều năm sau. Với tầm quan trọng như vậy, người ta đã hoạch định thứ tự ưu tiên trong đầu tư nghiên cứu tính chống chịu khô hạn, mặn trên toàn thế giới trong lĩnh vực cải tiến giống cây trồng, sau đó là tính chống chịu lạnh, chống chịu ngập úng, chống chịu đất có vấn đề (a-xít, thiếu lân, độ độc sắt, độ độc nhôm, thiếu kẽm, ma-nhê, mangan và một số chất vi lượng khác như đồng,...). Nước phục vụ nông nghiệp chiếm 70% nguồn nước phục vụ dân sinh. Hiện nay, mức bảo đảm nước trung bình cho một người trong một năm sẽ giảm từ 12.800 m³ vào năm 1990 xuống còn 8.500 m³ vào năm 2020. Theo Hội Nước quốc tế (IWRA), tiêu chuẩn công nhận quốc gia có mức bảo đảm nước cho một người thấp hơn 4.000 m³/năm được xem như thiếu nước và dưới 2.000 m³/năm

thuộc loại hiếm nước. Tổng lượng nước phục vụ tưới trong nông nghiệp của Việt Nam 41 km³ năm 1985, tăng lên 46,9 km³ năm 1999 và 60 km³ năm 2000. Lượng nước cần dùng cho mùa khô sẽ tăng lên 90 km³ vào năm 2010, chiếm 54% tổng lượng nước có thể cung cấp. Các dự án quốc tế về nông nghiệp thuộc hệ thống Tổ chức Tư vấn về nghiên cứu nông nghiệp quốc tế (CGIAR) đã nhấn mạnh đến giống cây trồng chống chịu khô hạn, nước sạch cho nông thôn, đô thị, phải xem những nội dung này là một ưu tiên đặc biệt. Sự thoái hóa đất, hiện tượng sa mạc hóa sẽ là mối quan tâm đặc biệt cho khu vực duyên hải Trung Bộ, Đông Nam Bộ và một phần Tây Nguyên.

3 - Để nông nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển

Mục tiêu mà nông nghiệp của nước ta cần hướng đến là một nền nông nghiệp chất lượng cao với các loại nông sản thỏa mãn yêu cầu hội nhập, phục vụ nội tiêu, xuất khẩu, có sức cạnh tranh tốt. Muốn vậy, chúng ta cần chú trọng một số vấn đề sau:

- Nông nghiệp chuyển hướng phát triển theo chiều sâu, trên cơ sở phát triển khoa học nông nghiệp, những tiến bộ kỹ thuật mới, nhất là lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin trong lựa chọn và tạo giống; bảo vệ cây trồng, vật nuôi; bảo vệ môi trường sinh thái. Việc thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ thực vật, Pháp lệnh Thú y cần được triển khai sâu rộng để sản xuất nông nghiệp tiếp cận với mục tiêu phát triển bền vững.

- Nhà nước sớm quy hoạch và xác định rõ, quy định cụ thể tỉnh nào tập trung làm nông nghiệp, tỉnh nào phát triển công nghiệp.

ĐBSCL đã được xác định là một trong 7 vùng kinh tế quan trọng; nên cần có sự phân bổ đầu tư hợp lý, để phát huy tối đa lợi thế về sản xuất nông nghiệp của Việt Nam trong chặng đường sắp tới. Khu vực này cần phải bảo đảm an toàn lương thực và tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng nông sản để gia tăng thu nhập cho người trồng lúa. Mục tiêu cụ thể của vùng là phát triển giống lúa có năng suất cao và giống có phẩm chất gạo ngon nhằm đáp ứng thị hiếu cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Tại khu vực này, việc sản xuất cần được tổ chức lại, xây dựng một phương thức quản lý tổng hợp, đa ngành, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, cho phép tập trung ruộng đất theo hướng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn đáp ứng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Hiện tại, một số tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL đã xây dựng định hướng phát triển công nghệ cao (CNC). CNC đã và đang được ứng dụng trong nghiên cứu, sản xuất rau, hoa, quả ở nhiều địa phương, đơn vị vùng ĐBSCL. Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam ứng dụng CNC trong chọn giống cây ăn quả chất lượng cao.

- Thực hiện trí thức hóa nông dân qua chương trình giáo dục và khuyến nông. Nông dân trồng lúa bằng tri thức chứ không chỉ bằng kinh nghiệm. Với mục đích tiến tới xây dựng một nền nông nghiệp CNC đúng nghĩa, phù hợp với tình hình thực tiễn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, cần có những công nhân nông nghiệp lành nghề. Công tác giáo dục ở nông thôn cần được cải tiến, công nghệ thông tin cần đến được với nông dân, nhất là In-tơ-nét để nông dân được thụ hưởng nhiều hơn lợi ích của hiện tượng “bùng nổ” thông tin toàn cầu; Nhà nước hỗ trợ chính sách và giúp đỡ đào tạo để nông dân có tri thức, từ đó

có những quyết định đúng đắn và sẽ được hưởng lợi trên chính thửa ruộng của mình...

- Xây dựng thương hiệu cho ngành gạo Việt Nam. Muốn nâng cao sức cạnh tranh của gạo nước ta tại các thị trường (thế giới) cao cấp, chúng ta phải nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo giá trị cao cho hạt gạo xuất khẩu, qua đó nâng cao thu nhập, đời sống cho bà con nông dân; xem xét lại diện tích gieo trồng và điều chỉnh sao cho phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng; cải tiến kỹ thuật sản xuất gạo phù hợp hơn khi hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu của các siêu thị trong quá trình công nghiệp hóa; phát triển thủy lợi nông thôn mạnh hơn nữa, nhất là cơ giới hóa khâu sản xuất và đẩy nhanh tốc độ thu hoạch.

- Đổi mới tổ chức hợp tác xã (HTX), xem HTX là tổ chức kinh tế phục vụ lợi ích, quyền lợi của nông dân, bên cạnh đó, phải xây dựng khu nông nghiệp CNC với các tiểu khu có chức năng rõ ràng; phát triển theo hướng xã hội hóa từ thấp đến cao, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, Nhà nước chỉ điều tiết bằng chính sách, pháp luật.

Tóm lại, nhiệm vụ chính của ngành nông nghiệp trong quá trình thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn là đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp để phát triển bền vững, bảo đảm an ninh lương thực. Cần chú trọng khai thác tối đa lợi thế so sánh, khắc phục, vượt qua điều kiện bất lợi của tự nhiên, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, kết hợp giữa phương pháp sản xuất truyền thống với công nghệ sinh học, tăng cường hợp tác giữa các nhà khoa học với nhiều chuyên ngành khác nhau, phát huy sức mạnh xã hội hóa, hoàn thiện không ngừng pháp lý để nông nghiệp thực sự phát triển phục vụ yêu cầu của đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. □